

BẢN ĐỒ KINH HOA NGHIÊM

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH

Thanh Lương Quốc Sư Sớ Sao

Soạn dịch và toát yếu : Ni trưởng Hải Triều Âm

PHÂN KHOA TOÀN BỘ KINH

A- Bày quả vui đẹp khiến vui tin.

I. Nhân duyên giáo khởi: Phẩm Thế Chủ Diệu Nghiêm.

II. Nghi thức thuyết pháp: Phẩm Như Lai Hiện Tướng và Phẩm Phổ Hiền Tam-muội.

III. Trình bày nhân quả thù thắng:

a- Quả: 2 phẩm Thế Giới Thành Tựu,

Hoa Tạng Thế Giới

b- Nhân: Bồn sự của Phật (Phẩm Tỳ Lư Giá Na).

B- Đường lối tu hành.

I. Nương tựa vào Phật:

Phẩm Như Lai Danh Hiệu (Phật ở khắp mọi nơi).

Tứ Thánh Đế (Pháp ở khắp mọi nơi).

Quang Minh Giác (Trí ở khắp mọi nơi).

II. Nhân tu:

1) Ai chưa tin khiến tin (thập Tín) 3 phẩm: Vân Minh, Tịnh Hạnh, Hiền Thủ.

2) Ai đã tin khiến hiểu (10 Trụ) 6 phẩm tiếp.

3) Ai đã hiểu khiến hành (10 Hạnh) 4 phẩm.

4) Đã hành khiển nguyện (10 Hồi Hường) 3 phẩm.

5) Đã nguyện khiển chứng (10 Địa) 1 phẩm.

6) Vào Đẳng-giác:

a- Nghiệp dụng quảng đại (10 Định 10 Thông).

b- Trí tuệ thâm huyền (10 Nhẫn).

c- Thắng đức: Vô số (Phẩm A Tăng Kỳ).

Tận nhất thiết thời (Như Lai Thọ Lượng).

Biến nhất thiết xứ (Bồ-tát Trụ Xứ).

III. Quả thành:

1) Diệu-giác:

a- Tổng cử Phật đức (Phẩm Bất Tư Nghi Pháp).

b- Đức tướng (Phẩm 10 Thân Tướng Hải).

c- Đức nghiệp (Phẩm Tùy Hảo Quang Minh).

2) Nhân quả bình đẳng:

a- Nhân : (Phẩm Phổ Hiền Hạnh).

b- Quả: (Phẩm Như Lai Xuất Hiện).

C- Viên đôn pháp:

Một phẩm Ly Thê Gian: 1) Mở lời. 2) Tam-muội. 3) Phát khởi. 4) Khải phần. 5) Thịnh. 6) Thuyết: Tín, Trụ, Hành, Hồi Hường, Địa-Nhân quả viên mãn.

D- Y người chứng nhập thành đức:

Một phẩm Nhập Pháp Giới:

I) Bốn hội. II) Mạt hội: Thiện Tài điển hình đi học 54 thiện tri thức (trải qua 54 ngôi).

TÊN KINH

Đại: Thế rộng không bờ. Phương: Vuông: đủ không thiếu một tướng nào. Thánh phàm vui khổ đều từ tâm. Quảng: Dụng. Việc nhỏ như co tay duỗi chân, lớn như đức A Di Đà

thành mãn cõi Cực Lạc, công dụng từ tâm không thể nghĩ bàn. Phật: Tánh là giác biết. Hoa: Công hạnh rực rỡ tốt tươi. Nghiêm: Trang nghiêm.

Chân tâm bản tánh chúng ta đại, phương, quảng, Phật. Nếu trở về sống với nó, ta sẽ làm được những công hạnh tươi tốt rực rỡ thom tho để trang nghiêm cuộc đời ta và muôn loài. Đức Thích Ca đã thành công viên mãn sự nghiệp hoa nghiêm với lập trường: “Tất cả chúng sanh đều đầy đủ trí tuệ đức tướng Như Lai”. Kinh này trước nói đại thừa (*Pháp-thân Phật thường trụ ở khắp 10 phương*) cho mọi người phát tâm hân thích. Rồi mới nói tiểu thừa, chỉ từng ngõ ngách cho người tiến dần lên.

Vừa mở lời đã nói: Như Lai trí nhập ba đời bình đẳng, thân khắp thế gian, âm thanh vang 10 phương. Như hư không bao gồm tất cả sắc tượng.

Nhất thừa viên đôn diệu pháp môn để chân thật thấy tánh thành Phật. Tay cầm mắt xem, tâm miệng tụng, nên biết đều là đại nhân duyên. Thấy nghe tùy hỷ chúng Bồ-đề. Rốt ráo viên thành đạo Vô-thượng.

7 XỨ 9 HỘI

HỘI	XỨ	NỘI DUNG	CHỦ HỘI			
1.	Bồ-đề tràng	Như Lai	Phổ Hiền	6 phẩm.	} Hành bồ	
2.	Phổ Quang Minh Điện	10 Tín	Văn Thù	6 phẩm.		
3.	Đao Lợi Thiên	10 Trụ	Pháp Tuệ	6 phẩm.		
4.	Dạ Ma	10 Hạnh	Công Đức Lâm	4 phẩm		
5.	Đâu Suất	Hồi Hương	Kim Cang Tràng	3 phẩm.		
6.	Tha Hóa	10 Địa	Kim Cang Tạng	1 phẩm.		
7.	{	Phổ Quang	Đẳng-giác	Phổ Hiền	11 phẩm.	} Viên dung
8.		Minh Điện	Phổ Tuệ	hỏi 200 câu	1 phẩm.	
		Phổ Hiền	đáp 2000 pháp.			
9.	Vườn Kỳ Đà	Bản hội và mật hội		1 phẩm.		

LUÂN QUÁN CÁC PHẨM

1- **Thế Chủ Diệu Nghiêm**. Thế: thế gian.

a) *Chúng sanh thế gian*, chủ là vua như Thiên vương, Long vương. Có khả năng lợi tha và tự lợi là hữu tình thế gian diệu nghiêm.

b) *Vô tình thế gian*, chủ là các thần như Địa thần, Dạ thần v.v... Đất bằng kim cương. Ma ni sáng chói là khí thế gian diệu nghiêm.

c) *Trí chánh giác thế gian*, chủ là Phật và Bồ-tát. Oai quang các Ngài rực rỡ, âm thanh vang khắp, mười phương chúng sanh quy thuận là chánh giác thế gian diệu nghiêm. Đức Phật thành đạo, đem 3 trùng nghiêm sự trình bày cho đại chúng phát tâm.

2- **Như Lai Hiện Tướng**. Các thế chủ thâm hỷ, các lùm mây cúng dường phát ra tiếng kệ tụng tụng. Đức Thế Tôn từ răng phóng quang minh. Quang minh nói kệ triệu tập 10 phương Phật tử. Mỗi phương 1 đại Bồ-tát cùng vi trần quyến thuộc đến với các thứ cúng dường. Mỗi niệm, mỗi quốc độ, Tu-di sơn vi trần số chúng sanh được thoát ác đạo, phát tâm Bồ-đề. Tất cả Bồ-tát trong quang minh nói kệ tán thán đạo Phật. Đức Phật lại từ chặng mày phóng quang minh đi khắp 10 phương. Một bông sen báu vĩ đại hiện ra trước Phật. Vi trần Bồ-tát ngồi trên, nói kệ ca ngợi Phật. Phẩm này tổng báo điềm lành sẽ chuyển đại pháp luân.

3- **Phổ Hiền Tam-muội**. Phổ Hiền nhập định. Chư Phật xoa đầu và ban trí lực. Khắp pháp giới đều có cảnh này. Phổ Hiền xuất định. Mười phương chư Phật đều từ chân lông phóng quang minh. Quang minh kệ khen Phổ Hiền. Bồ-tát chúng thuận ý Phật, hướng về Phổ Hiền thỉnh pháp.

4- **Thế Giới Thành Trụ**. Phổ Hiền trình bày quả tướng: Sát hải trang nghiêm do Phật tu khởi. Thế giới chúng sanh từ vô thủy đã có, do nghiệp cảm thành. Mục đích khiến đại chúng tin và hiểu đại bi hạnh hải của chư Phật, Bồ-tát đang rộng trùm vô tận chúng sanh giới. Biết rõ thế giới duy tâm lại tin có thần lực không thể nghĩ bàn giá trị, hẳn sẽ nỗ lực tu hành. Thế thì pháp giới vô tận sẽ nghiêm tịnh, chúng sanh vô biên sẽ được hóa độ. Biền đại nguyện của Bồ-tát sẽ không cùng. Phật giới, chúng sanh giới chẳng một chẳng khác. Ước về tướng thì thế giới hải tùy nghiệp nhiễm tịnh không đồng. Ước về tánh thì không 2. Kệ tụng rằng: “Người tin sâu, chí rộng nghe pháp này thành đại trí. Nếu không biết cảnh giới vô biên, vô tận, vô nhị này, sẽ trệ nơi quyền tiểu, do đâu vào Phổ Hiền hạnh nguyện”. Phẩm này là chánh thuyết pháp của Phổ Hiền.

5- **Hoa Tạng Thế giới**. Trên tổng bày biền thế giới. Nay riêng nói y báo của Bốn Sư. Nhân tu vạn hạnh nay chỉ lược nói 10 đức: Hương thủy hải có hoa sen lớn nở xòe: *bá thí*; Hương thơm bát ngát: *nhân nhục*; Tự tánh không nhiễm: *trì giới*; Cảnh báu kiên cố: *tinh tấn*; Lá báu

sum suê: *thiên định*; Nhị sáng huy hoàng: *Bát Nhã*; Xảo tướng mỹ lệ: *phương tiện*; Hàm ngậm hạt sen: *đại nguyện*; Bảo đài kiên trụ: *hùng lực*; Khắp phóng quang minh: *trí tuệ*. Kinh dạy: Trong rừng, có lá mọc lá rụng. Trong pháp giới, có cõi thành cõi hoại. Theo hạt giống mà có quả. Nghiệp lực như ảo thuật, xuất sanh các chánh báo y báo không đồng. Tâm như họa sĩ vẽ ra các cảnh, tô các màu. Bao nhiêu loại sai biệt nhưng thật không sanh không diệt. Địa ngục khổ trong đen tối. Biển lửa hằng thiêu đốt, rất khó cứu. Trong khi ấy ở các cõi Phật, Bồ-tát hào quang sáng rực. Nguyên hải vang vang tiếng, diệu âm khuyên tu hành. Sức thể nguyện Phổ Hiền, ức cõi diễn diệu pháp, pháp loa vang như sấm, trụ kiếp không cùng tận. Phật ở cõi thanh tịnh thị hiện tiếng tự tại. Trong pháp giới mười phương, tất cả đều cùng nghe.

6- ***Đức Tỳ Lư Giá Na***. Tiên thân Ngài là thái tử Oai Quang, được gặp Phật thứ I, chứng 10 pháp môn: 1) Tam-muội nghiền tan nghiệp chướng. 2) Phổ môn đà la ni. 3) Bát Nhã. 4) Đại bi. 5) Đại từ. 6) Đại hỷ. 7) Đại xả. 8) Thần thông. 9) Đại nguyện. 10) Biện tài. Thấy Đức Phật thứ II, thái tử được Niệm Phật Tam-muội và 10.000 pháp môn. Đệ III Như Lai xuất thế, Oai Quang nghe pháp được Đại-phúc-đức-phổ-quang-minh Tam-muội và được thọ ký. Mệnh chung lên trời gặp Phật thứ IV, được Phổ-môn-đại-hỷ Tam-muội. Nương tam-muội lực, vào nhất thiết pháp thật tướng hải.

Sông dài bởi nguồn xa. Quả sum la là do gốc bầm. Nghiêm tịnh một sát hải đòi bao nhiêu thắng nhân. Đây nêu bậc đại sĩ để hiển giáo pháp sắp nói hẳn tuyệt vời.

Hết hội I Phần A- Bày quả khuyến tín.

HỘI II

7- ***Như Lai Danh Hiệu***. Tín năng sanh nhân quả. Muốn tin cần hiểu. Phật đều tên Trí vì Tin mà không trí chỉ thêm vô minh. Có danh hiệu tức có thân. Phẩm này minh tỏ thân Phật ở khắp 10 phương (tổng biến).

8- ***Tứ Đế***. Pháp của Phật cũng ở khắp 10 phương.

9- ***Quang Minh Giác***. Giác viên biến. Phật dùng hào quang cho đại chúng thấy. Văn Thù dùng trí quang nói kệ cho đại chúng nghe. Thấy và nghe giúp đại chúng hiểu lý viên biến (lý sự vô ngại pháp giới). Văn Thù nói 10 bài. Mỗi bài 10 kệ ca ngợi nhân quả vô thượng. Ba phẩm 7, 8, 9 nói về quả sở y đã xong.

10- ***Vấn Minh***. 9 Bồ-tát cùng Văn Thù vấn đáp để nghiên cùng khám phá 10 giáo lý thậm thâm. ***Bồ-tát đạo tiên***: a) Tín ưa đại thừa. b) Trụ hiểu Bát Nhã. c) Hạnh tu tam-muội. d) Hồi hướng nguyện đại bi. Tín cần 10 đức: Chí cầu thắng pháp, từ bi thâm hậu, tu tập thiện căn, ưa

vui đại thừa, cúng dường chư Phật, thân gần bạn lành, tâm thường nhu hòa, có thể nhẫn khổ, thâm tâm bình đẳng, cầu Phật trí tuệ.

Kết thông quảng biến. Xứ này thuyết pháp ắt hiện sự thông cả 10 phương. Nơi khác thuyết pháp cũng như thế. Tổng là 1 pháp giới đại hội (suy ngẫm kỹ).

11- **Tịnh Hạnh**. Học hiểu không thực hành uổng phí đa văn. Phạm trên đã minh giải nhờ nhập lý quán. Nay biện tùy sự mà bi trí song vận. Nhị thừa chưa lợi tha chưa phải là chân tịnh. Bởi vì không thiện tức là còn ác. Hiểu và tin viên pháp rồi, thấy nghe hay biết đều là tâm Văn Thù. Nhắc tay hạ chân đều là hạnh Phổ Hiền.

Tông: Tùy sự xảo nguyện, định tâm không tán loạn, tăng trưởng bi trí.

Thú: Thành tựu Phổ Hiền thật đức (chỗ tu nhân của 3 đời 10 phương Phật).

12- **Hiền Thủ**. Giải và hạnh đã viên diệu thì đức dụng khó nghĩ bàn. Tương đối với diệu trang nghiêm hải của Như Lai thì 10 Tín chỉ là hạt bụi, chỉ như dấu chân chim. Nhưng phải để ý hư không ở chân chim đâu có khác vàng thái-hư. Hạt bụi nhỏ bao nhiêu cũng đồng thể chất với đại địa. Chim bay 100 năm trong hư không. Chỗ đã đi qua và chỗ chưa đi qua đều chẳng thể lường. Bởi vì hư không vô biên tế. Ngài đã hành tới quả, tôi còn ở nhân địa. Nhân hạnh Phổ Hiền tợ đồng Phật quả nên đều lấy hư không để đo lường. Phạm phu nghe giáo pháp, một niệm khởi tín, liền phát tâm Bồ-đề, tu tập 10 tâm vào Sơ Trụ. Ngôi Tín là xả tánh chúng sanh trở về tánh Phật, ra khỏi đất vô minh vào nhà Như Lai. Hiền Thủ Bồ-tát nói tin đại thừa còn dễ. Tin sơ tâm đủ hết công đức thật khó. Trụ viên vị, đem viên công đức tự trang nghiêm, dùng viên lực kiến lập chúng sanh chỉ cần 2 bước tới Bồ-đề.

Đệ nhị hội xong, khuyên tất cả chúng sanh tin và hành.

13- **Thăng Tu Di Sơn Đỉnh**. Không rời cây Bồ-đề, Như Lai tự tại lực, ứng cơ phó cảm. Chử khi ấy tức là ngay thời 2 hội trên. Đây là Đệ I trong 10 trùng thuyết xứ. Hội trước không giải tán để thành hội sau mà cùng nhau hợp thành pháp giới hải hội vô ngại. Mỗi mỗi hội không hề hưu nghỉ. Hội sau hội sau vẫn cứ đồng thời. Nếu có trước sau sao gọi đồng thời. Đồng thời đốn khắp tức dụng của thể. Thí như vàng trắng chiếu khắp. Bóng hiện trên một dòng sông lặng sóng. 3 con thuyền. Một thấy trăng ngàn dặm theo mình ra Bắc. Một thấy trăng ngàn dặm theo mình vào Nam. Thuyền đình trụ thấy trăng vẫn đó. Bạc tri thức hiểu nghĩa này ra sao? Cổ đức nói lược 10 nghĩa:

1) Xứ tương nhập: Trong 1 xứ có tất cả xứ.

2) Một xứ nhập tất cả xứ (cây ở khắp các cõi Trời).

- 3) Tất cả tức 1 (tất cả Trời ở cây).
- 4) Một tức tất cả (cây tức các cõi Trời).
- 5) Thân ở mãn pháp giới biến nhất thiết xứ, căn cơ thuần thực mới thấy.
- 6) Phật tự tại bất tư nghi giải thoát.
- 7) Duyên khởi tương do.
- 8) Pháp tánh dung thông.
- 9) Biểu thị hiển pháp.
- 10) Thành pháp giới đại hội.

14- **Tu Di Đỉnh Kế Tán**. Tập chúng phóng quang hiển ngôi Trụ thể thâm huyền, 10 Bồ-tát tên Tuệ kế tán Phật đức là nơi nương tựa.

15- **Thập Trụ**. Tuệ trụ nơi lý được bất thoái vị. Mới vào không-giới, trụ nơi tánh không. Pháp Tuệ Bồ-tát nhập Vô-lượng-phương-tiện Tam-muội (lấy vô phân biệt trí làm phương tiện). Chư Phật xoa đầu. Xuất định, Pháp Tuệ nói về 10 Trụ “Bồ-tát trụ nơi nhà tam thể chư Phật, dùng tâm Bát Nhã trụ vào chân như”. Bản thể của Trụ là tâm Bồ-đề. Tâm Bồ-đề gồm ba tâm: Trục niệm chân như + tâm tâm vui tu tất cả thiện hạnh + đại bi cứu khổ tất cả chúng sanh. Tâm 1 là căn bản trí. Tâm 2 và 3 là hậu đắc trí. 10 Trụ tăng ích trực tâm nên gọi là Giải (hiếu). Giải là gốc của Hạnh và Nguyện (Hồi Hương). 10 Trụ đại đồng 10 Địa. Chỉ khác ở chỗ Trụ còn học tập mà Địa đã thành.

16- **Phạm Hạnh**. Phạm trên ý tại ngôi vị nên phân tách hạnh tu từng ngôi. Nay biện về thông hạnh, hiển nhân nhập trụ là tự tha phạm hạnh. Biệt hiệu sơ trụ thành Phật. Giải thích rằng “cùng quán hạnh này tương ưng tức được sơ tâm thành Phật. Biết hết thấy pháp tức tâm tự tánh, thành tựu tuệ thân chẳng do tha ngộ”.

Tu phạm hạnh có 10 pháp quán: Phật, Pháp, Tăng, giới; Thân, thân nghiệp; Ngã, ngã nghiệp; Ý, ý nghiệp. Tập xét rõ: Thân là phạm hạnh ư? Giới là phạm hạnh ư? Nếu không quán sẽ chấp tướng như tiểu thừa. Quan sát tướng tâm thì lý hiện gọi là chân phạm hạnh. Chẳng thấy 2 là chỗ quan yếu. Ngộ không do người khác: vô sư trí: tự giác. Biết tất cả pháp là giác tha. Thành tựu tuệ thân: giác mãn. Nếu còn phân biệt tự tha, đâu đã ngộ. Tịch mà chiếu gọi là chánh giác.

17- **Sơ Phát Tâm Công Đức**. Do tin nghiệp quả báo, tu 10 thiện, chán sanh tử, cầu Vô-thượng Bồ-đề, cúng dường phụng sự Tam-bảo, tín tâm thành tựu, vào chánh định tự, rất ráo không thoái gọi là trụ trong dòng giống Như Lai. Đã phát tâm này hẳn đã thấy chút phần

Pháp-thân nên tùy nguyện lực có thể hiện 8 tướng thành đạo lợi ích chúng sanh. Sanh vào nhà Phật: a) Hiểu giải sanh vào nhà Bồ-đề tâm. b) Chứng ngộ sanh vào nhà chân như.

Sơ phát tâm trụ, công đức đã như hư không, không bờ mé. Càng về sau càng dày.

18- **Minh Pháp**. Biện về công hạnh để tiến nữa. Tinh Tấn Tuệ là dương cơ (chẳng tinh tấn chẳng kham năng).

Hỏi: Thế nào vô úy như sư tử? Chỗ làm thanh tịnh như trăng tròn? Thế nào tu tập công đức Phật? Đường như hoa sen không dính nước?

Pháp Tuệ *đáp*: Trụ không phóng dật, được 10 thanh tịnh:

- 1) Lời nói việc làm đi đôi.
- 2) Niệm trí (Tứ niệm xứ) thành tựu.
- 3) Thâm định.
- 4) Siêng cầu Phật Pháp.
- 5) Tu các pháp quán.
- 6) Được thần thông.
- 7) Tâm bình đẳng.
- 8) Tâm vô ngại.
- 9) Tôn trọng người phát tâm Bồ-đề.
- 10) Kính thờ Bồ-tát, pháp sư, thiện tri thức.

Nguyện thành thực chúng sanh không chán mỏi. Hộ trì chánh pháp không tiếc thân mạng. Thần lực trụ thế tận vị lai. Đủ Phổ Hiền hạnh. Tu tập nhất thiết chủng trí.

19- **Thăng Dạ Ma Thiên Cung**. Các nghĩa đồng như Tu Di Đỉnh.

20- **Dạ Ma Cung Kê Tán**:

10 Bồ-tát tên Lâm (rừng). *Cây*: kiến lập. *Rừng*: nhiều. *Nhất nhất khế lý*: thâm. *Ý thú bí diệu*: mật.

Thế giới đều tên Tuệ. Tuệ của 10 Giải là chỗ sở y của Hạnh. Phật tên Nhõn vì Trí dẫn đường cho Hạnh như mắt chỉ lối chân đi.

21- **Thập Hạnh**. 6 độ + vô trước (không tham đắm) + thiện pháp hạnh (nhiếp trì chánh pháp, không dứt Phật chủng) + nan đắc hạnh (vô trụ) + chân thật hạnh (nói đúng như làm, làm đúng như nói).

22- **Vô Tân Tạng**. Phẩm 21 nói từng ngôi vị. Nay nói về thông hạnh:

- 1) Tin tất cả pháp vô sanh. Một bề tin Phật. Thọ trì tất cả Phật Pháp. Khai ngộ tất cả chúng sanh.
- 2) Tam tụ tịnh giới đại thừa.
- 3) Tàm: Ta và chúng sanh từ vô thủy đã bao nhiêu lầm mê.
- 4) Quý: Chăm cầu sám hối.
- 5) Văn: Học rộng, trên cầu Phật đạo, dưới khai ngộ chúng sanh.
- 6) Thí: Chuyển Luân Vương, có người đến đòi nhường ngôi và phải làm nô bộc cho họ nữa. Bồ-tát tùy thuận ngay không hối tiếc.
- 7) Tuệ: Học rộng, gần bạn lành, tu phước nhập đà la ni.
- 8) Niệm: Đổi thân thọ thân không quên những gì đã tu học.
- 9) Trì: Thọ trì tất cả Phật Pháp.
- 10) Biện tài vô ngại.

23- **Thăng Đâu Suất Thiên Cung**. Hồi Hương là ngôi cực Hiền vì đại bi khắp phổ.

Tông: Đại Nguyên.

Thú: Tiến lên 10 Địa.

24- **Đâu Suất Thiên Cung Kế Tán**. Các Bồ-tát đều tên Tràng, trợ hóa, kế tán. Quốc độ đều tên Diệu vì mây thiện nhân Hồi Hương mà di bố khắp pháp giới.

25- **Thập Hồi Hương**. *Hồi*: chuyển. *Hương*: thú hương. Chuyển vạn hạnh hương về Bồ-đề, chúng sanh và thật tế.

Đại bi khắp trùm là hồi hương chúng sanh.

Đại trí thượng cầu là hồi hương Bồ-đề.

Nhập lý không tịch là hồi hương thật tế.

Đại nguyện khắp vòng không trước không sau.

Tông: Biền hạnh vô biên thuận vô tận đại nguyện.

Thú: Thành tựu Phổ Hiền pháp giới đức dụng.

Kim Cang Tràng: Căn bản trí đối trị vô minh, hậu đắc trí liễu đạt sở duyên.

Hai trí vô ngại lãng chiếu pháp giới.

- 1) Cứu hộ chúng sanh lia tướng chúng sanh: Cứu người đã đọa, hộ kẻ sắp rớt. Cứu cho thoát khổ, hộ cho tắt ác. Tất cả ngu mê vô ân, sân độc kiêu mạn, mê tối đủ cách bức hại không thể động tâm.
- 2) Không hoại lòng tin Tam-bảo.
- 3) Như ba đời chư Phật đã hồi hướng.
- 4) Khiến thiện căn đến tất cả chỗ.
- 5) Vì hồi hướng thành tạng công đức không tận.
- 6) Sự lý không trái nhập vào bình đẳng.
- 7) Bình đẳng thuận ích chúng sanh.
- 8) Hồi hướng chân như.
- 9) Không phược không trước giải thoát.
- 10) Nhập pháp giới vô lượng hồi hướng.

26- ***Thập Địa***. Giải, Hành, Nguyện, 3 ngôi Hiền đã mãn. Trí hợp chân như, Thánh vị quả lập. Trước là giáo đạo. Nay là chứng đạo. Trên đại địa bằng phẳng, hùng dũng 10 ngọn núi.

27- ***Thập Định***.

Thập: Con số viên cực.

Định: Tâm một tánh cảnh.

Phạm bản tên là Như Lai Tam-muội. Người dịch bỏ 2 chữ Như Lai để lấy nghĩa nhân quả thông suốt. Phạm này lấy Phổ Hiền Tam-muội tự tại vô ngại, vô biên đại dụng làm tông thú. Văn có nghĩa Đẳng giác mà không tên Đẳng giác vì đây là thắng tiến của 10 Địa.

28- **Thập Thông**. *Thần*: Diệu dụng khó lường. *Thông*: Tự tại không ngại. Diệu dụng cùng cực. Số 10 ở đây nghĩa là rất nhiều.

29- **Thập Nhân**.

Tông: Trí hạnh thâm áo.

Thú: Được Phật quả.

10 Nhân: Âm thanh, nhu thuận, vô sanh, như huyễn, như diệm, như mộng, như hương, như ảnh, như hóa, như không.

3 trên là pháp, 7 dưới là dụ.

Nhân vô sanh: Trí cùng phiền não không sanh thì nhân tức vô sanh.

Quán thức như huyễn.
Quán tướng như diệm.
Quán thọ như mộng.
Quán hành như điện.
Quán sắc như hóa.

Tổng quán uẩn, xứ, giới rốt ráo không.
Ngã chấp pháp chấp như màng lóa mắt.
Người bị lóa vọng thủ không hoa. 10 Nhân
ước về ngôi vị là hậu tâm của Đẳng giác
vì đã đoạn vi tế vô minh.

30- **A Tăng Kỳ**. *A*: Không. *Tăng Kỳ*: con số. Đức đức viên dung, vô tận vô tận...

31- **Như Lai Thọ Lượng**. Bát ngát mộng mênh không nêu biểu.

32- **Bồ-tát Tru Xứ** ở khắp nơi nơi. Phẩm Tăng Kỳ đã nói: Trên mỗi đầu lông trong pháp giới, đều có rất nhiều, rất nhiều Phổ Hiền.

33- **Bát Tư Nghì Pháp**. Nhân đã thâm sâu, quả hảnh huyền diệu, làm sao nói hết những bát tư nghì của Như Lai.

34- **Thập Thân Tướng Hải**.

35- **Như Lai Tùy Hảo**.

36- **Phổ Hiền Hạnh**. Ý tánh khởi tu, tướng sai biệt tận nên nói bình đẳng nhân quả. Nhân quả cùng tận vị lai lợi lạc hàm thức.

37- **Như Lai Xuất Hiện**: 3 Phật viên dung, 10 thân vô ngại. Hai phẩm Phổ Hiền Hạnh và Như Lai Xuất Hiện nghĩa lý rõ ràng, văn từ giản dị, pháp tu vừa tầm, ai cầu học đại thừa không thể bỏ qua không thọ trì.

38- **Ly Thế Gian**: Xử thế không nhiễm, thông suốt thủy chung. Phẩm trước là quả thù thắng. Nay khởi hạnh viên dung.

Lục Lâm tụng rằng: Ba đời 5 uẩn pháp gọi là thế gian. Diệt rồi phi thế gian. Nên thế gian là giả danh.

Phàm phu chìm đắm, phi ly. Nhị thừa sợ thế gian, tuy xa mà chẳng lìa. Bồ-tát tùy thuận mà không nhiễm mới thật ly nhưng chưa cứu cánh. Chỉ có Phật mới chân thật ly. Phổ Tuệ hỏi 200 câu:

20 — 10 Tín	Kính không chia từng phần vì ý không thủ chấp ngôi vị mà chỉ cần hạnh tu. Phổ Tuệ hỏi 1 Phổ Hiền đáp 10 để hiển vô tận. Cộng thành 2000 thắng hạnh. Phật là nơi nương tựa. Tịnh tâm cúng dường được phước đức. Bẩm thọ từ huân lâu dài để thành trí nghiêm. Muốn lìa khổ, thường an vui, muốn thân miệng ý đồng như Phật phải phát kim cương nguyện, học hành công đức này.
20 — 10 Trụ	
30 — 10 Hạnh	
29 — Hồi	
Hướng	
50 — Địa	
51 — Đăng-giác	

39- **Nhập Pháp Giới phẩm**. Như Lai tự nhập Sư Tử Tần Thân Tam-muội tức quả pháp giới, khiến đại chúng đốn chứng pháp giới. Thiện Tài trải qua các ngôi tiệm chứng. Đốn hay Tiệm đều chứng pháp giới. Vô tận giáo hải duy chứng tương ưng. Vô tận pháp môn do đây lược đủ. Phẩm này điều hòa sâu suốt toàn kinh, khiến vô tận pháp môn trải bày như ngay trước mắt.

40- **Phổ Hiền Hạnh Nguyện**. Đời nhà Đường, Đại sư Thật Xoa Nan Đà từ nước Vu Điền, mang bản kinh chữ Phạn sang Trung Quốc, dịch ra Hán văn. Nhưng Đại sư mới dịch 39 phẩm. Mãi lâu về sau, Pháp sư Bát Nhã, người Kế Tân, mới dịch tiếp phẩm 40. Phổ Hiền Hạnh Nguyện, dẫn đạo hải hội Hoa Nghiêm về Cực Lạc thế giới với 10 pháp môn giản dị, vừa tầm quần chúng Phật tử. Khế lý, khế cơ, phẩm cuối cùng kinh Hoa Nghiêm hứa hẹn cho hạ căn chúng ta hiện tại bình an, mai sau được Phật Di Đà thọ ký, vĩnh viễn bảo đảm con đường Bồ-đề.

PHẨM NHẬP PHÁP GIỚI

Xả Lợi Phát cùng 6.000 Tỳ-kheo rời trụ xứ tới Văn Thù: Xả tiểu hương đại. Số 6 nêu biểu 6 căn tánh tịnh. Văn Thù nêu biểu 10 tín tâm. Thiện Tài: Thiện là tâm hiểu, thuận lý. Tài: Tích đức vô tận.

1- **Sơ trụ Đức Vân Tỳ-kheo**: Tỳ-kheo: Ra khỏi phàm phu ngoại đạo. Đức như mây phủ khắp (định), nhuận trạch (phước), che trùm (bi), rót mưa (tuệ).

Ta được tự tại quyết định giải lực tín nhãn, thanh tịnh trí quang chiếu diệu. Chính bày pháp giới, tức Niệm Phật Tam-muội (định). Tín nhãn phổ quán không

cảnh nào chẳng phải Phật. Thường niệm tất cả chư Phật. Thường thấy tất cả chư Phật. Đức Vân nói luôn một lúc 21 môn niệm Phật, trước nêu danh sau hiển lý. Thiện bạn đầu tiên dạy niệm Phật vì đây là đầu chúng hạnh. Trong sơ Trụ, duyên Phật phát tâm, vui thích cúng dường (tức tâm tức Phật).

2- Tri địa trụ: Hải Vân Tỳ-kheo. Quán pháp: Nghe pháp, thọ trì, đọc tụng, tìm được hằng sa tánh đức tại tâm như biển chứa báu (tuệ).

3- Tu hành trụ: Thiện Trụ Tỳ-kheo. Vô ngại giải thoát môn (trì giới).

4- Sanh quý trụ: Di Già dạy luân tự môn tất cả 42 chữ. Bắt đầu là chữ A. Vào diêu cùng cực sẽ nói được tiếng cả vạn loài. Bồ-tát hành đạo ở chợ với tâm bình thản thanh thoát, khác với người ở chùa mà tâm vẫn ở chợ. Di Già: mây. Bồ-tát hiện tướng tại gia bán hàng ở chợ.

5- Cu túc phương tiên trụ: Trưởng giả Giải Thoát. Nhập định (im lặng mà chỉ bày).

Trong thân hiện Phật cảnh và Phật sự. Ngài nói: Ta biết chúng sanh giới vô lượng vô biên đều duy tâm hiện. Ta muốn thấy cõi Phật A Di Đà tùy ý liền thấy. Phật đã duy tâm hiện thì Phật tức là tâm. Có tâm tướng là si. Tri kiến vô kiến là Niết bàn. Vạn pháp đã không lìa tâm, ta chỉ cần tu tâm hỷ viên mãn Phật pháp.

6- Chính tâm trụ: Tỳ-kheo Hải Tràng.

Chính tâm trụ: Thành tựu Bát Nhã, rõ pháp tánh không, vô trụ vô y, không chấp chánh tà, khen chê không động. Phổ-trang-nghiêm-thanh-tịnh-môn: nơi nơi trang nghiêm vì trí và cảnh không hai.

7- Bất thoái: Vườn phổ-trang-nghiêm: Y Bát Nhã đem vạn hạnh trang nghiêm vườn sanh tử. Ưu-bà-di Hưu Xả: Ý vui (tùy tâm chúng sanh khiến cho thỏa ý). Trên là Bát Nhã chứng chân nên Tỳ-kheo nói pháp. Đây là Bát Nhã phương tiện nên hiện thân Ưu-bà-di từ tâm nhập tục.

Giải thoát môn tên Ly-ưu-an-ôn-tràng (cao hiển, ai thấy ắt lìa hoặc nghiệp, bất thoái Bồ-đề).

8- Động chân: Tịnh trí, không tà ma ô nhiễm. Tiên nhân nêu biểu thanh khiết. Tỳ Mục Cù Sa: Thường xuất vô phổ úy thanh: Thuyết pháp để giải lo âu sợ hãi, đem an ổn cho chúng sanh. Được Bồ-tát Vô-thắng-tràng-giải-thoát-môn: Thấy 10 Phật sát vi trần số thế giới chư Phật, nghe pháp thọ trì.

9- Vương tử tru: Bà-la-môn Thắng Nhiệt, trong 5 dục thành thắng hạnh, chuyển phiền não thành thắng đức. Dao: đoạn đức. Lửa: trí đức. Nhảy vào lửa: chường tận chứng lý (dùng vô phân biệt trí). Bồ-tát thị hiện tà kiến ngoại đạo để thả mỗi bắt cá chúng sanh đem bỏ vào biển chánh biến tri.

10- Quán đĩnh: Từ Hạnh đồng nữ: Lấy Từ làm hạnh. Bát-nhã-ba-la-mật-phổ-trang-nghiêm môn: Ở trong thế gian mà không nhiễm. Bát Nhã chiếu tất cả pháp, trong y báo có chánh báo, trong một có nhiều, một trang nghiêm là tất cả trang nghiêm (phổ môn).

10 HẠNH

1- Hoan hỷ: Nước Ba Mắt: 1) Tài thí vô trước thành tuệ nhãn. 2) Pháp thí khai pháp nhãn. 3) Vô úy thí thành từ nhãn. Thiện Kiến Tỳ-kheo, trong tu thí hạnh, ngoài hiện thắng báo. Ai thấy đều trở nên hiền lành. Hạnh này khiến được xuất ly nên lấy Tỳ-kheo làm nêu biểu. Giải-thoát-Bồ-tát-tùy-thuận-đăng: Dùng vô niệm của chân trí thuận pháp thuận cơ, không gì chẳng chiếu (đăng).

2- Nhiều ích hạnh: Trì giới. Đông tử Tự Tại Chủ đang gom cát chơi. Ba nghiệp không lỗi, sáu căn thanh tịnh được tự tại.

3- Vô vi nghịch hạnh: Nhẫn thuận. Ưu-bà-di: Người nữ là tướng nhẫn nhục nhu hòa. Cụ túc: Nhẫn chứa tất cả đức. Ngài chỉ dùng một bình bát, từ đây xuất sanh tất cả áo cơm các thứ cần dùng để bố thí cho hằng hà sa chúng sanh.

4- Vô khuất nạo hạnh: Nạo: Quấy nhiễu. Cư sĩ Minh Trí: Hạnh tinh tấn cần mắt trí dẫn đường. Ông ở ngoài chợ, giữa ngã tư đường: Ở chỗ huyên náo mà không bị quấy rối, được thế thì không gì chẳng thông. Ông được Tùy-ý-xuất-sanh-phước-đức-tạng-giải-thoát-môn. Dù bao nhiêu chúng sanh tới xin một lúc, mỗi người một thứ, ông đưa mắt nhìn lên hư không, liền có đầy đủ tất cả.

5- Vô si loạn hạnh: Định tuệ cân phân. Trưởng giả Pháp Bảo Kế do cúng Phật một nén hương nay được quả báo này. Nhà ông 10 tầng, mỗi tầng mỗi tầng thứ lớp cúng Phật và Bồ-tát.

6- Thiên hiện hạnh: Ở thành Phổ Môn: Thật tướng Bát Nhã không gì chẳng thông. Trưởng giả Phổ Nhân: Quán chiếu Bát Nhã không gì chẳng thấy, chữa tất cả bệnh.

7- Vô trước hạnh: Không thọ không xả. Vua Vô Yếm Túc được Bồ-tát-như-huyễn-giải-thoát-môn, dùng huyền pháp giáo hoá huyễn chúng sanh.

8- Nan đắc: Vua Đại Quang ở Đại Từ Tràng. Tất cả cây cối trong nước đều cúi đầu hướng về cung Vua.

9- Thiên pháp hành: Bất Động Ưu-bà-di được Bồ-tát-nan-đôi-phục-trí-tuệ-tạng-giải-thoát-môn.

Người đẹp, cái gì cũng đẹp. Động tĩnh làm quy phạm cho muôn loài. Trí tuệ Phật Pháp không bị duyên hoại.

10- Chân thật hạnh: Ngoại đạo Biến Hành xảo trí tùy cơ việc gì cũng làm được. Được Chí-nhất-thiết-xứ-Bồ-tát-hạnh-pháp-môn: Trí độ đã viên xứng nơi nhĩ đế, ngôn hạnh không hư.

10 HỒI HƯƠNG

1- Cứu hộ chúng sanh ly chúng sanh tướng: Trưởng giả Ưu Bát La Hoa (sen xanh) bán hương. Hương chất tuy nhỏ mà hơi thơm tỏa khắp: Thiện căn dù ít, do hồi hướng thành phổ chu. Bán: người được hương. Buôn: mình được. Hoa sen xanh: Vào biển sanh tử quý nhất là cứu hộ chúng sanh mà không chấp tướng nên không ô nhiễm.

Lực dụng: Trí chữa bệnh nóng (tham dục). Bi chữa bệnh lạnh (thản nhiên trước những đau khổ). Có thứ hương, mỗi khi đốt lên thì cả Vua và 4 bộ binh bay lên hư không: Chứng tuệ không.

2- Bát hoai: Thành tên Lôu Các: Bi Trí dựa nhau đi lên.

Bà Thi La: Tụ tại, nơi biển sanh tử khéo lái chèo. Ở trong Phật Pháp khéo thông đạt. Ở Đại-bi-tràng hạnh, thuyền sư dùng Phật Pháp chở chúng sanh lên bờ kia.

3- Đẳng nhất thiết Phật: Trưởng giả Thượng Thắng.

4- Chí nhất thiết xứ: Tỳ-kheo-ni: Lòng từ thuần tịch. Sư Tử Tàn Thân: Cử động tụ tại không đâu không đến.

5- Vô tân công đức tạng: Nước tên Hiểm Nạn: Nghịch hạnh, phi đạo. Những ngôi vị kém không được làm. Bà Tu Mật: Bận thế gian. Trí rõ tánh không nên tại nhĩ đế mà không nhĩ.

6- Nhập nhất thiết bình đẳng thiên căn: Nhập lý bình đẳng, sự lý không trái. *Cư sĩ Tỳ Sát Chi La* được môn Bồ-tát giải thoát tên là Bất-bát-Niết-bàn (biết Phật thường trụ).

Nghiệp dụng: Nhiếp các thiện căn.

7- Đẳng tùy thuận nhất thiết chúng sanh: Đại bi vào biển sanh tử mà vẫn trụ ở núi Niết bàn. *Quán Tự Tại* ở núi Phổ Đà, được Đại-bi-hạnh-giải-thoát-môn. Bình đẳng giáo hóa tất cả chúng sanh mãi mãi không cùng. Nguyên rằng: Chúng sanh nào nhớ đến ta, xưng tên ta, thấy thân ta đều khỏi sợ hãi và phát tâm Vô-thượng-Bồ-đề không thoái lui.

8- Chân như tướng: Dem trí tuệ thú hưởng tướng chân như. *Bồ-tát Chánh Thu* từ hư không tới: Trí thể vô y mới chứng Như. *Phổ-tật-hành-Bồ-tát-giải-thoát-môn*: Đi nhanh, biết tất cả pháp không lìa tâm tánh nên vạn hạnh sớm thành.

9- Vô phược vô trước giải thoát: Không bị Tướng trói, không bị Thấy vướng, tác dụng tự tại. Ngôi này là Pháp sư. *Thần Đại Thiên*: Trí tịnh tự tại (Thiên), xứng lý phổ ứng (Đại), diệu dụng khó lường (Thần). Rất khó được gặp các Bồ-tát. Chỉ người 3 nghiệp thân miệng ý không lỗi mới được gặp. *Vân-võng-giải-thoát*: Trị các phiền não.

10- Nhập pháp giới vô lượng: *Địa thân*: Vạn pháp nương đất.

Bất-khả-hoại-trí-tuệ-tạng-giải-thoát-môn: Pháp giới sở nhập tức chỗ được Bồ-đề. Cho nên Bồ-đề là gốc bốn (Bồ-đề tràng). Ba ngôi Hiền mãn. Tổng hội các ngôi Hiền là nhân để nhập Địa.

THẬP ĐỊA

1- Hoan hỷ địa: Ngã không pháp không đã đủ, có thể lợi ích ta người nên đại hoan hỷ. *Thành Ca Tỳ La*: Nơi Phật giảng sanh. Sơ Địa là sanh vào nhà Phật. *Bà San Bà Diễn Đề*: Mùa xuân. Mùa xuân là chủ phát sanh muôn vật. Nhập địa sanh trưởng vạn hạnh độ sanh.

2- Ly cấu địa: Giới luật khế lý nên thanh tịnh lìa tất cả vi tế cấu chướng. Bồ-đề đạo tràng nêu biểu chân lý.

Phổ đức tịnh quang: Tối thắng pháp giới, chẳng đức nào không đủ, chánh trí chứng nhập nên lìa cấu phạm.

Bồ-tát Giải thoát tên Tịch-tĩnh-thiền-định-lạc-phổ-du-bộ. *Tịch-tĩnh*: Khế lý vô trước. *Thiền-định*: Chỉ quán song vận. *Lạc*: Chánh pháp vui trụ. *Phổ-du-bộ*: Đại dụng không bờ.

3- *Phát quang địa*: Thành tựu thắng định giải thoát tông trì, năng phát vô biên diệu tuệ quang.

Nhập-đại-thể-lực-phổ-hỷ-tràng-giải-thoát: *Đại-thể-lực*: Chẳng gì không nhiếp phục. *Phổ-hỷ*: Khắp xứng quần cơ. *Tràng* có hai nghĩa: a) Đồi phục. b) Cao hiển.

4- *Diệm huê* thiêu củi phiền não, lửa tuệ bốc tăng, an trụ tối thắng Bồ-đề phân pháp. Thiệt Tài được Cứu-cánh-thanh-tịnh-luân-tam-muội. *Cứu cánh*: Tịnh trí viên mãn. *Luân*: nghiền nát nghiệp chướng. *Thanh tịnh*: Chỗ thấy được vô ngại nên 3 nghiệp 6 căn đều thanh tịnh.

5- *Nan thắng*: 2 trí chân và tục hành tương trái nhau. Nay hợp lại khiến tương ưng. *Tịch-tĩnh-âm-hải*: Nhập tục diễn pháp, giáo hóa sâu rộng (âm hải). Khởi tâm động niệm là vọng (tịch tĩnh). Chân tinh tấn là thiền định lìa vọng thân vọng tâm. Bồ-tát-niệm-niệm-xuất-sanh-quảng-đại-hỷ-trang-nghiêm pháp môn: Chính trao pháp giới. Vì giáo hóa chúng sanh toại chí nên phước đức trang nghiêm. Quán Phật Bồ-tát thắng dụng nên trí tuệ trang nghiêm. Niệm niệm: Giáo hóa và quan sát không gián đoạn. Phương tiện: Bi, Trí bình đẳng. Sự nghiệp: Giáo hóa chúng sanh. Cảnh sở hành: Năng sở không 2. Dùng 10 độ trị 10 tặc.

6- *Hiên tiền địa*: Trụ duyên khởi trí dẫn tới thắng vô phân biệt, khiến Bát Nhã hiên tiền. Vạn hạnh xuất sanh, tăng trưởng oai lực.

Được Bồ-tát thậm-thâm-tự-tại-diệu-âm-giải-thoát. *Thậm thâm* vì tức sự khế lý. *Tự tại* vì quyền thật không ngại, nhiếp hóa chúng sanh, biện tài vi diệu. *Diệu âm*: Y đây diễn pháp phổ ứng quần cơ.

Nghiệp dụng: Làm đại Pháp sư.

7- *Viễn hành*: Đến vô tướng, trụ công dụng hậu biên vì xuất quá thế gian và nhị thừa.

Dạ thân trao pháp giới: a) Pháp hạnh: Che chở người hoạn nạn, hiện già bệnh chết để cảnh cáo các tham sân si v.v... b) Pháp danh: Quảng đại hỷ quang minh (quảng hiển xảo phương tiện trí). c) Nghiệp dụng: Phổ nhiếp chúng sanh. d)

Lực dụng: Mưa các vật tư sanh, niệm niệm thành thực chúng sanh. đ) Căn sâu: Nơi vô lượng đại kiếp hải thân cận cúng dường thiện tri thức.

8- Bất động: Vô phân biệt trí nhậm vận tương tục. Phiền não không thể động. Vô công dụng đạo, nương gió đại nguyện, khắp cứu chúng sanh. Thiện Tài không như trên niệm pháp ở dọc đường vì từ nay vào vô công dụng đạo ly niệm.

Người và pháp không hai nên cùng tất cả pháp giới đồng.

Nhân quả không hai nên cùng tất cả Phật đồng.

Tự tha không hai nên cùng tất cả Bồ-tát đồng.

Nhiễm tịnh không hai nên cùng tất cả chúng sanh đồng.

Môn giải thoát này gọi là giáo hóa chúng sanh khiến sanh thiện căn.

9- Thiên tuê thành tựu vi diệu 4 vô ngại biện, nói pháp khắp 10 phương.

10- Pháp vân địa: Mây lớn pháp trí che trùm vì Pháp-thân sung mãn.

Quan-sát-nhất-thiết-Bồ-tát-tam-muội-hải môn. *Quan sát*: Dùng thù thắng diệu trí, niệm niệm quan sát. *Tam-muội hải*: Tất cả Bồ-tát Phổ Hiền tam-muội.

Hết tướng ngôi vị tu hành.

HỘI DUYÊN NHẬP THẬT TƯỚNG

Hội các ngôi sai biệt quy về 1 thật pháp giới là thành Phật quả. Duyên hội nói 10 để hiển vô tận. Duyên vô tận mới thành thật đức của Ma Gia (Đẳng giác).

1- Thiên Chủ Quang đã được Vô-ngại-niệm-thanh-tịnh-trang-nghiêm-Bồ-tát-giải-thoát-môn.

2- Biến Ban được giới thiệu là đồng tử sư, Thầy dạy các vị sơ tâm.

3- Thiên Tri Chúng Nghệ đồng tử, rộng dạy mọi người về tự-mẫu. Các thiện xảo thế và xuất thế gian, dùng trí thông đạt đến bỉ ngạn, đều cùng thật tướng không trái nghịch, hội đồng về môn Bát Nhã.

4- Hiền Thắng Ưu-bà-di nêu biểu huyển trí vô y nên nói được vô y xứ đạo tràng (Không Như Lai Tạng). Lại được vô tận tam-muội (Bất không Như Lai Tạng). Cốt yếu đem tâm vô y khế với bản-không mới thấy tánh vốn đủ hằng sa

công đức (Không bắt không). Cho nên nói xuất sanh nhất thiết trí tánh (nhẫn vô tận, trí tuệ vô tận, thần thông vô tận v.v...). Xuất sanh nghĩa là tắt vọng thì hiển xuất. Như nói con rắn xuất ra khỏi hang. Nghĩa là trước đã có rắn ở trong hang. Nay nó bò ra nên thấy nó chớ không phải nó mới sanh ra.

5- Kiên Cố trường giả nêu biểu huyễn trí vô trước, vĩnh tận phiền não chướng và sở tri chướng. Vì thanh tịnh nên có thể trang nghiêm Pháp-thân. Vô trước ước về cảnh vì lìa sở tri. Vô niệm ước về tâm vì tâm thể ly niệm. *Nghiệp dụng*: Vì không 2 chướng nên không ái kiến. Đem tâm vô cầu mà cầu Phật Pháp nên không bao giờ chán mỏi.

6- Diêu Nguyệt trường giả (trăng tròn mùa thu không mây) nêu biểu huyễn trí quang minh. Được Tịnh-trí-quang-minh-giải-thoát-môn. *Trí quang*: Trí chiếu pháp. *Tịnh trí*: Chân thật không vọng.

7- Vô Thắng Quân trường giả được Vô-tướng-giải-thoát-môn. Nghe Phật Pháp, thanh tịnh trí phát quang được vô tận tạng.

8- Tối Tịch Tinh Bà-la-môn được Nguyên-ngữ-giải-thoát-môn. Nêu biểu huyễn trí thành thật, thủy chung không vọng. Từ sơ phát tâm lập hoàng thế như nói mà làm, chân thật tu hành không hư dối. *Tịch Tịnh*: Tắt hết đối trá. Ngôn hạnh thom tho thành thật.

9- Thành thật nguyện không trái mới có thể hoàn quy huyễn trụ. Cho nên Đức Sinh và Hữu Đức được pháp môn tên là huyễn-trụ. *Đồng tử* nêu biểu tịnh trí, vạn đức do đây sanh. *Đồng nữ* nêu biểu tịnh bi, gốc của chúng đức. Niềm và tịnh, cảnh và trí, năng và sở, đều từ duyên khởi, không phải là pháp cố định cho nên Bồ-tát giải thoát môn tên là huyễn-trụ. Bi trí giúp nhau nên 2 người đồng 1 hội. Hội duyên mãn vì bi trí đủ, sắp thấy Từ Thị để nối nghiệp Phật.

10- Khi ấy Thiện Tài nhất tâm muốn tới chỗ Ma Gia phu nhân. Tức thời liền được Quán-Phật-cảnh-giới-trí. Nói Ma Gia nghĩa Thật hay Hóa đều là phương tiện. Theo tông này, tức là pháp giới thật đức. Người và pháp viên dung. Thiện Tài nghĩ rằng thiện tri thức này xa lìa thế gian, trụ vô sở trụ, siêu quá 6 trần, lìa tất cả chấp trước, biết đạo vô ngại.

Mới tổng niệm thắng đức đã có thể ám hợp nguyện trí huyễn môn, Thiện Tài biết Ma Gia đây chỉ là hiện thân. Định tuệ song tu, thường khế Thánh cảnh. Có đạo phẩm thì chân thiện tri thức huyền thông. Thiện Tài tức thời thấy đại bảo liên hoa (chứng pháp giới tánh không nhiễm), từ đất vọt lên (vô minh đã khai, cảnh không

lia nội tâm). Trên đài có bảo tòa, Ma Gia phu nhân hiện vô lượng sắc thân nhiều ích chúng sanh. Thiện Tài thấy Ma Gia phu nhân hiện Diêm-phù-đề vi trần số môn phương tiện như vậy, cũng tự hiện vi trần thân ở trước tất cả hóa thân Ma Gia mà cung kính lễ bái (Ma Gia và Thiện Tài đều không phân thân mà ở khắp, trụ thể mà khắp ứng). Ma Gia nói: “Ta đã thành tựu Bồ-tát đại-nguyện-trí-huyền-giải-thoát-môn nên thường làm mẹ các Bồ-tát (Phổ Hiền biểu hạnh, Văn Thù biểu trí. Đều là Bát Nhã cũng gọi là Phật mẫu).

NHẤT SANH BỔ XÚ

Nước Hải Ngạn: Tới bờ kia, Bồ-tát viên mãn biển trí. *Vườn Đại Trang Nghiêm:* Vạn hạnh viên nhân trang nghiêm biển quả. *Lầu gác:* 2 trí quang minh biển chiếu sự lý. a) Ước về quả, do thiện căn của Bồ-tát nên có a-tăng-kỳ báu trang nghiêm. b) Ước về hiện duyên, Bồ-tát hiện y báo bất tư nghi để độ sanh.

Trên đã hội duyên nhập thật, quyết định kham thành Phật. Nay biện nghĩa tu nhân của nhất sanh bổ xứ. Túc chứng siêu quyền vì đã y thật giáo tu hành tức phàm thân một đời thành công. Ta thường nói: Con chim ngàn tuổi chẳng bằng phượng hoàng mới nở. Di Lặc Bồ-tát luôn 221 câu ca ngợi phát tâm đốn đủ công đức, khen Thiện Tài là đại pháp khí, đến trước lầu gác đờn chỉ. Cửa mở, Thiện Tài vào, cửa liền đóng lại. Vong ngôn hội chỉ thì Phật Pháp mới khai. Lý trí môn khai, ngộ Phật tri kiến, ắt nhập pháp giới. Chúng rồi khế hợp, năng sở lưỡng vong, tức vọng mà chân, nhập vô sở nhập (cửa đóng lại). Thiện Tài thấy vô biên cảnh giới, tự thấy thân mình ở khắp v.v... Sự xong cần khởi định. Di Lặc đờn chỉ ra tiếng, cảnh giác cho Thiện Tài xuất định. Cũng dùng đờn chỉ, lần trước là vong ngôn (định) để hội ý. Nay để khiến dừng trệ tịch (dung). Động tịch không 2 mới là chân thật nhập pháp giới. Di Lặc bảo Thiện Tài: “Đây là nhập tam-thế-bất-vong-niệm-trí-trang-nghiêm-tạng. Trong giải thoát môn này có bất khả thuyết, bất khả thuyết môn, là sở đắc của các nhất sanh Bồ-tát”.

Trí nhập tam thế: Rõ pháp không tịch, cùng NHƯ thâm khế. Trong một niệm không những khắp không gian không gì chẳng thấy mà niệm kiếp viên dung, đồng thời thấy cả quá khứ hiện tại vị lai (bất vong niệm trí).

Trang nghiêm tạng: Dùng vô ngại trí khế viên dung cảnh, Như Lai Tạng vốn đủ các pháp, chẳng phải mới thành. Cho nên trong một môn này đủ bất khả thuyết giải thoát.

Thiện Tài hỏi: Trang nghiêm này nay đi về đâu? Di Lặc đáp: “Đi về chỗ đến”. (Đã từ gốc chảy ra ngọn cho nên đến. Nay nhiếp ngọn về gốc cho nên đi. Đi chẳng khác đến). Vì chưa rõ nên lại hỏi: Từ đâu đến? Đáp: Từ Bồ-tát trí tuệ thần lực đến. Nương Bồ-tát trí tuệ thần lực mà trụ. (Trước dụ đáp, sau pháp đáp. Trước nói tướng, sau nói tánh. Trí lực duyên làm ra cho nên đến. Trí lực duyên gia hộ cho nên trụ. Đã từ duyên tới hẳn không lai khứ. Những nghiêm sự này chẳng ở trong lầu gác, chẳng từ đâu đem tới).

Lại hỏi: Đại Thánh từ đâu đến? Đáp: a) Ước thể thật Pháp-thân tức không đến mà đến. Đến tức không đến. b) Bồ-tát từ đại bi đến. c) Ước về dụng hóa hiện thì tùy cơ duyên. Chỗ nào thành thực thì ta đến.

Pháp-thân là thể.

Báo-thân là tướng.

Hóa-thân là dụng.

Thật trí hư ngưng cùng với Âm là Tĩnh. Quyền trí lưu động cùng với Dương linh hoạt. Thật trí Bát Nhã (Văn Thù) nếu không đại bi phương tiện phần nhiều lạc về đường lối tiểu thừa. Phải có phương tiện thiện xảo (Phổ Hiền) mới thành Bồ-tát chúng.

KẾT HỘI TAM THÁNH

Đức Di Lặc khuyên Thiện Tài trở về tham học Văn Thù vì ở chỗ nào Văn Thù cũng là cứu cánh. Đầu tiên thấy Văn Thù vì Văn Thù nêu biểu Tín. Nay cuối chót phải thấy Văn Thù vì để hoàn mãn trí tuệ.

Thiện Tài qua 110 thành đến nước Phổ Môn tìm Văn Thù. Văn Thù từ xa đưa tay phải áp vào đầu Thiện Tài nói pháp khiến Thiện Tài thành tựu vô số pháp môn, và khuyên Thiện Tài đi tìm Phổ Hiền. Do chứng nghĩa lý sự không 2 cho nên nhiễm tịnh không 2, hoặc và trí không 2, thủy và mật không 2, năng và sở không 2. Cũng không phân biệt là 2 hay không 2. Không vướng mắc mới chân thật không 2. Văn Thù nêu biểu Bát Nhã sở chứng. Nay vì đã chứng Bát Nhã nên Thiện Tài không thấy Văn Thù.

Thấy nghe chứng nhập, cực chiếu không 2, tâm cảnh lưỡng vong, tín giải song tuyệt. Tín buổi đầu cai cực quả. *Tay phải*: Tùy thuận thì hạnh thành: Đoạn đức rồi mới vào trí địa. *Áp đỉnh đầu*: Nêu biểu truyền tâm ấn, lấy phổ pháp cây vào

tâm đỉnh. Đã nhận được tâm ấn này, từ nay Thầy trò không bao giờ còn xa cách. Trước kia học bằng lời nói nên cần gần Thầy. Từ nay học bằng tâm nên dù cách xa vạn dặm vẫn không một tắc rời Thầy. Hai lần gặp Văn Thù 2 trình độ Bát Nhã đã khác nhau một trời một vực.

Dạy phải vào Phổ Hiền hạnh đạo tràng: Cử chân cất bước đều phải cùng hạnh Phổ Hiền tương ứng. Quán Phổ Hiền thân khắp pháp giới, bi trí bao la, nguyện hạnh không tận. Thiện Tài khởi tâm khát ngưỡng muốn thấy Phổ Hiền Bồ-tát, liền ở Bồ-đề tràng, trong chúng hội, trước tòa sư tử của đức Tỳ Lư Giá Na, thấy Phổ Hiền Bồ-tát ngồi tòa sư tử bảo liên hoa.

Phổ: Thân bao hàm pháp giới rộng không bờ. *Hiền:* Toàn thân ấy tiềm nhập trong hạt bụi, điều nhu không ngại. *Phổ Hiền:* Trong ngoài chu biến, hạn lượng không tận. Thiện Tài thấy Phổ Hiền thân thông lực liền được 10 chủng trí ba-la-mật (hướng ngoại quán được trí độ). Phổ Hiền Bồ-tát giơ tay phải xoa đầu Thiện Tài. Thiện Tài liền được Tam-muội (thân chứng)...

Phổ Hiền nói: Ta được Pháp-thân thanh tịnh bình đẳng tam thế cứu cánh. Lại được thanh tịnh vô thượng sắc thân, siêu các thế gian. Tùy tâm chúng sanh chỗ ưa thích mà hiện hình. Vào tất cả sát độ, khắp tất cả chỗ, rộng hiện thân thông, khiến ai thấy cũng được an vui (do liễu nhân được Pháp-thân quả. Do duyên nhân được sắc thân quả). --- “Thiện Tài, người hãy quán sắc thân ta (quán dụng không bờ). Sắc thân do vô biên kiếp hải tu hành mà thành tựu”. Phổ Hiền lại nói kệ: “Nhu người đã thấy những sự khó nghĩ bàn của ta. Tuy vậy vẫn chỉ là nhân vị. Thế thì quả vị của người còn thậm thâm biết ngần nào”. Thiện Tài ngang với Phật vẫn chỉ là nhân viên, còn quả hải lia lời nói. Cho nên kinh không nói Thiện Tài thành Phật. Đức Phổ Hiền Bồ-tát nói Phật đức để hiển quả tướng của Thiện Tài.

Văn trường hàng hiển Phổ Hiền nhân.

Văn kệ hiển Thiện Tài quả. Nhân quả hiển bày lẫn nhau.

Phổ Hiền Bồ-tát công đức trí tuệ đầy đủ trang nghiêm như hoa sen chẳng dính tất cả trần cấu 3 cõi, bảo các Bồ-tát:

Ba cõi hữu vô, tất cả pháp, không thể dùng để thí dụ Phật. Núi rừng chim thú, không loài nào chẳng nương hư không mà sống. Hư không chân như và thật tế, Niết bàn pháp tánh cùng tịch diệt, chỉ có chân thật pháp như vậy, khả dĩ hiển thị được Như Lai. **Sát** trần tâm niệm đếm hết được. Nước trong biển lớn uống hết được. Hư không đo được, gió bắt được. Không thể nói hết Phật công đức. Nếu ai

được nghe biên công đức này, sanh tâm vui mừng kính cẩn tin hiểu. Như chỗ tán dương ắt sẽ được. Trân trọng đỉnh lễ thọ trì. Đem thiện căn đồng pháp tánh này khắp nhuận vô tận chúng sanh giới.

PHẨM 40: PHỔ HIỀN HẠNH NGUYỆN

Phổ Hiền Bồ-tát ca ngợi công đức thù thắng của Như Lai rồi, bảo đại chúng rằng: Ai muốn trọn nên công đức của Phật, phải tu tập 10 pháp:

- 1- Lễ kính chư Phật.
- 2- Xưng tán Như Lai.
- 3- Rộng tu cúng dường.
- 4- Sám hối nghiệp chướng.
- 5- Tùy hỷ công đức.
- 6- Thỉnh chuyên pháp luân.
- 7- Thỉnh Phật trụ thế.
- 8- Thường theo học Phật.
- 9- Hằng thuận chúng sanh.
- 10- Khắp đều hồi hướng.

Bồ-tát tùy thuận tu hành 10 nguyện lớn này, là tùy thuận đạo Vô-thượng Bồ-đề, là trọn vẹn hạnh nguyện hải Phổ Hiền, là viên mãn sự nghiệp độ sanh. Ai chỉ thọ trì, đọc tụng, biên chép cũng trừ 5 nghiệp vô gián, giải thoát các tai nạn. Lâm chung, khi căn thân hư hoại, thân quyến bỏ lìa, tiền của danh giá trở thành vô dụng, chỉ có 10 hạnh nguyện này đưa thẳng về Cực Lạc thế giới, được Phật A Di Đà thọ ký.